

Bản án số: 01/2023/DS - ST
Ngày: 04/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Dũng
2. Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST- **DS** ngày 30 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Kim X, sinh năm 1957, địa chỉ: KDC X1 3, phường S, thị xã M, tỉnh D. Có mặt

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1946
2. Bà Mạc Thị Thu H, sinh năm 1954.

Đều có địa chỉ: KDC T, phường A, thị xã M, tỉnh D.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Tiến D1: Bà Mạc Thị Thu H, sinh năm 1954, địa chỉ: KDC T, phường A, thị xã M, tỉnh D. Có mặt

- Người có quyền lợi liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961, địa chỉ: KDC X1 3, phường S, thị xã M, tỉnh D. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Kim X, sinh năm 1957, địa chỉ: KDC T, phường A, thị xã M, tỉnh D. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Nguyễn Kim X trình bày như sau:

Năm 2017, ông có cho vợ chồng ông D1, bà H vay số tiền 250.000.000đồng. Mục đích ông D1, bà H vay là để đáo hạn nợ cho khoản vay của ông D1, bà H tại ngân hàng nông nghiệp phát triển Việt Nam – Chi nhánh M.

Ngày 28/5/2017(âm lịch), tức là ngày 22/6/2017 dương lịch ông đã cho ông D1, bà H vay số tiền 250.000.000đồng, khi vay ông D1, bà H đã viết giấy vay, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Tuy nhiên, sau khi vay ông D1, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và gốc đã cam kết, ông đã nhiều lần đến nhà ông D1, bà H yêu cầu để trả nợ, nhưng ông D1, bà H chỉ khát nợ khi nào bán nhà được thì sẽ trả tiền. Do vậy, ông X đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D1, bà H phải trả cho ông số tiền vay nợ gốc là 250.000.000đồng, tiền lãi trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 22/6/2017 tạm tính đến ngày 22/02/2023 là 255.000.000đồng. Tổng tiền gốc và lãi ông yêu cầu vợ chồng bà H phải trả cho ông là 505.000.000đồng, vợ chồng ông D1, bà H còn phải tiếp tục trả lãi tính đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Mạc Thị Thu H và ông Nguyễn Tiến D1 trình bày:

Bị đơn bà H, ông D1 thừa nhận thời điểm vay, số tiền vay nợ gốc như nguyên đơn trình bày, thừa nhận chữ ký, chữ viết của người vay tại giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp Mạc Thị H (thực tế là Mạc Thị Thu H) là của bà H, ông D1 ký. Tuy nhiên, về lãi suất thực tế ông D1, bà H trả cho ông X là 1.500đồng/1 triệu/1 ngày không phải là 1,5%/tháng thể hiện tại giấy vay, đối với tiền lãi bà đã trả được khoảng 2 năm, bình quân mỗi tháng trả từ 6 triệu đến 8 triệu đồng/1 tháng cho ông X. Tuy nhiên, sau khi vay một phần do ngân hàng không cho vợ chồng ông bà vay lại, một phần do con trai của ông bà bị mắc bệnh hiểm nghèo nên chưa có khả năng trả nợ cho ông X. Hiện gia đình ông, bà rất khó khăn nên ông, bà đề nghị xin được trả số tiền vay nợ gốc là 250.000.000đồng và không phải trả lãi, trường hợp ông X vẫn yêu cầu vợ chồng bà phải trả lãi thì ông, bà đề nghị Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông X, người có quyền lợi liên quan bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông D1, bà H phải trả số tiền vay nợ gốc 250.000.000đồng, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền vay nợ gốc.

- Bị đơn bà H xác định nguyên đơn xin rút yêu cầu trả lãi trên số tiền vay nợ gốc nên bị đơn thay đổi quan điểm không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền vay nợ gốc nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn ông D1, bà H phải trả lãi trên số tiền vay nợ gốc. Bị đơn xin thay đổi quan điểm không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Nguyên đơn ông X yêu cầu vợ chồng bà H, ông D1 phải trả số tiền vay nợ gốc là 250.000.000đồng. Bị đơn ông D1, bà H đều thừa nhận số tiền vay nợ gốc chưa trả là 250.000.000đồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông D1, bà H phải trả cho ông X, bà L số tiền vay nợ gốc là 250.000.000đồng.

- Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H, ông D1 phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Do bà H, ông D1 thuộc diện người cao tuổi và đề nghị xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông D1, bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bị đơn, trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án là phù hợp khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp phát sinh giữa các bên đương sự xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông X yêu cầu vợ chồng ông D1, bà H phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 22/6/2017 tạm tính đến ngày 22/02/2023 là 255.000.000đồng và yêu cầu tiếp tục phải trả lãi cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi trên số tiền vay nợ gốc, bị đơn thay đổi quan điểm không đề nghị Tòa án áp dụng thời

hiệu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về thời hiệu khởi kiện do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi về yêu cầu trả lãi, bị đơn không đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là bà H, ông D1 đều có địa chỉ: KDC T, phường A, thị xã M, tỉnh D. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M.

[3] Về yêu cầu trả gốc: Nguyên đơn xác định tiền vay nợ gốc cho vợ chồng bà H, ông D1 vay là 250.000.000đồng. Bị đơn bà H, ông D1 thừa nhận số tiền vay nợ gốc vợ chồng bà chưa trả cho vợ chồng ông X là 250.000.000đồng. Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất thời điểm vay, thời hạn trả nợ, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ bà H, ông D1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại 466 của Bộ luật dân sự. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà H, ông D1 phải trả cho vợ chồng ông X số tiền vay nợ gốc là 250.000.000đồng.

[4]. Về yêu cầu trả lãi trên số tiền vay nợ gốc: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông X yêu cầu vợ chồng ông D1, bà H phải trả tiền lãi trên số tiền vay nợ gốc tính từ ngày 22/6/2017, tạm tính đến ngày 22/02/2023 là 255.000.000đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn ông X xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu buộc bị đơn phải trả lãi trên số tiền nợ gốc là 250.000.000đồng.

[3]. Về án phí: Tại phiên tòa bị đơn bà H đề nghị vợ chồng bà thuộc diện người cao tuổi, bị đơn đề nghị xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/11/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ: Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ: **điểm đ Điều 12** Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn ông D1, bà H phải trả lãi trên số tiền vay nợ gốc.

1. Tuyên xử:

Xử: Buộc bà Mạc Thị Thu H và ông Nguyễn Tiến D1 phải trả cho ông Nguyễn Kim X và bà Nguyễn Thị L số tiền vay nợ gốc 250.000.000đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn ông D1, bà H phải trả lãi trên số tiền vay nợ gốc.

Kể từ ngày ông X, bà L yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông D1 chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Bà H, ông D1 thuộc diện người cao tuổi nên được xem xét **miễn án phí dân sự sơ thẩm.**

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn ông X, có mặt bị đơn, có mặt người có quyền lợi liên quan bà L. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. *Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKS ND thị xã M;
- Chi cục THA Dân sự thị xã M;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh